

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày 06-5-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLST-KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2017 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty B (tên cũ Công ty TNHH Bắc, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B).

Địa chỉ trụ sở: Số 20B, phường V, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú: 86 cửa B, Quận B, thành phố Hà Nội; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 28/KV-UQ ngày 21 tháng 12 năm 2018); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH H; Địa chỉ trụ sở chính: Số 488 Đ, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ kinh doanh: Số 134 T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Quản Thị Thúy N; nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Số 18 tầng 5 khu 5 tầng T, phường A, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty B (tên cũ Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) và ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) có giao dịch mua bán hàng lớp ô tô với Công ty B (ngày 19 tháng 9 năm 2016 Công ty đổi tên thành Công ty N, quá trình tố tụng Công ty tiếp tục đổi tên Công ty TNHH B, nay là Công ty B) thông qua điện thoại, giao dịch trực tiếp. Từ năm 2015, các giao dịch mua bán hàng hóa đều được thực hiện theo Hợp đồng kinh tế số 18/2014/KVMB- TH ngày 31 tháng 12 năm 2014. Công ty B (gọi tắt là Công ty B) đã giao hàng nhiều lần cho Công ty H nhưng Công ty H chỉ thanh toán cho Công ty B một phần tiền hàng cụ thể: Từ ngày 05 tháng 01 năm 2015 đến ngày 05 tháng 6 năm 2015 Công ty B đã giao cho Công ty H 14 đơn hàng lớp ô tô với tổng số tiền là 227.165.500đồng Tuy nhiên, Công ty H chỉ thanh toán được một phần trị giá hàng lớp ô tô Công ty đã giao theo hóa đơn số 0000845 ngày 05 tháng 01 năm 2015 số tiền là 2.306.978đồng Ngày 10 tháng 01 năm 2016 giữa hai Công ty đã có biên bản chốt công nợ, tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty H còn nợ Công ty B số tiền 224.858.522đồng. Nhiều lần Công ty đã liên hệ và gửi thông báo đề nghị thanh toán số tiền hàng nói trên nhưng Công ty H chây ỳ, không hợp tác. Để đảm bảo quyền lợi, Công ty đề nghị Tòa án buộc Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền hàng còn thiếu là 224.858.522đồng và khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất của Ngân hàng theo quy định.

Ngày 02 tháng 01 năm 2019, Công ty B có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, Công ty không yêu cầu Công ty H phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền hàng Công ty H chưa thanh toán.

Đối với Công ty H, quá trình giải quyết vụ án Công ty không trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của Tòa án, tại phiên tòa lần thứ hai tiếp tục vắng mặt không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên những vi phạm này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 297; Điều 319 Luật thương mại; Điều 6; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B (tên gọi cũ: Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) số tiền: 224.858.522đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của khởi kiện của Công ty B (tên cũ là Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) về việc buộc Công ty H phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn.

Về án phí: Trả lại cho Công ty B (tên gọi cũ: Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp. Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng tổng đạt, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty H và người đại diện theo pháp luật của Công ty H nhưng tại phiên tòa lần hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” phát sinh trong hoạt động kinh doanh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 10 tháng 01 năm 2016, Công ty B và Công ty H đã có biên bản chốt công nợ giữa hai công ty. Do Công ty H không thanh toán khoản tiền hàng còn nên đến ngày 09 tháng 12 năm 2016, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của Công ty B (tại thời điểm khởi kiện Công ty đã được đổi tên là Công ty N). Như vậy, căn cứ vào Điều 319 Luật thương mại thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện số tiền mua hàng của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ do đương sự cung cấp, lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty B và Công ty H có giao dịch mua bán hàng hóa (tại thời điểm hai bên ký kết Hợp đồng và giao dịch mua bán hàng hóa là Công ty TNHH B đến ngày 19 tháng 9 năm 2016 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH N, quá trình tố tụng Công ty tiếp tục đổi tên Công ty B, nay là Công ty B) thông qua điện thoại, giao dịch trực tiếp. Từ năm 2015, các giao dịch mua bán hàng hóa đều được thực hiện theo Hợp đồng kinh tế số 18/2014/KVMB- TH ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hợp đồng đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều

cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Từ ngày 05 tháng 01 năm 2015 hai Công ty đã thực hiện giao dịch mua bán lớp ô tô 14 hóa đơn với tổng giá trị tiền hàng 227.165.500đồng, Công ty H mới thanh toán được cho Công ty B một phần tiền hàng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty H không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Công ty B nhưng căn cứ vào Biên bản xác nhận công nợ ngày 10 tháng 01 năm 2016 có chữ ký, con dấu xác nhận của hai Công ty xác định tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty H còn nợ Công ty B số tiền hàng chưa thanh toán là 224.858.522đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty B đối với Công ty H là có căn cứ, buộc Công ty H phải thanh toán trả cho Công ty B số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu là 224.858.522đồng.

[4] Về yêu cầu khoản tiền lãi quá hạn trên khoản tiền hàng bị đơn chưa thanh toán của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện Công ty B có yêu cầu Công ty H phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền hàng chưa thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 02 tháng 01 năm 2019 Công ty có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, Công ty không yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn cho Công ty. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu xin rút khoản tiền lãi quá hạn của Công ty B đối với Công ty H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử Đình chỉ đối với yêu cầu này của Công ty B.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty B được chấp nhận nên trả lại cho Công ty số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty đã nộp. Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty B được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 297; Điều 319 Luật thương mại; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B (tên cũ Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) đối với Công ty H.

Buộc Công ty H phải thanh toán trả cho Công ty B (tên cũ Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) số tiền 224.858.522đồng (Hai trăm hai mươi tư triệu tám trăm tám mươi tám nghìn năm trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng Thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương) tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của khởi kiện của Công ty B (tên cũ là Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) về việc buộc Công ty H phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn.

3. Về án phí: Công ty H phải nộp số tiền 11.242.926 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Công ty B ((tên cũ Công ty TNHH B, Công ty TNHH N, Công ty TNHH B) 8.258.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Biên lai số 0014617 ngày 24 tháng 01 năm 2017.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi Phạm Văn Ty

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi Nguyễn Duy Tuân

